

CHƯƠNG 2: THỨ TỰ MƯỜI NGHĨA

Luận nói: Tại sao mười nghĩa này nói thứ tự như vậy? Bồ-tát sơ học trước phải quán các pháp nhân duyên như thật. Do quán này nên đối với mười mười hai nhân duyên phát sinh thông Tuệ, sau đó đối với pháp duyên sinh phải hiểu rõ thể tướng của nó. Trí có thể lìa lỗi nhị biên tăng ích, tổn giảm. Chánh tu như vậy, phải thông đạt các tướng sở duyên như thật, sau đó phải giải thoát phải các chướng ngại. Tâm đã thông đạt thật tướng, rồi tiếp đến đối với sáu Ba-la-mật đã được hành làm cho thành tựu thêm, khiến cho thanh tịnh không bị lỗi nữa. Do nương vào thanh tịnh bên trong ý thức, nên kể đó thanh tịnh bên trong gồm sáu Ba-la-mật. Nương vào mười địa sai biệt, tu tùy một trong ba A-tăng-kỳ kiếp. Kế đó tam học của Bồ-tát trước viên mãn. Đã viên mãn rồi thì đạt được học quả Niết-bàn và Vô thượng Bồ-đề. Từng bước về sau phải được tu theo thứ tự mười nghĩa. Trong đây nói thứ tự thì tất cả Đại thừa đều được viên mãn.

Giải thích: Cảnh giới của mười nghĩa này có thứ tự, thì chánh hành cũng có thứ tự. Do quán thấy thứ tự này mà lập nên thứ tự mười nghĩa. Lại nữa nếu người nào hiểu rõ nhân của các pháp, đối với mười hai nhân duyên thì chứng đắc thông tuệ. Tại sao vậy? Vì quả từ nhân sinh ra, không từ Tự Tại Thiên hay nhân không bình đẳng sinh ra, cũng không phải không có nhân sinh ra, cho nên lập nhân trí và quả trí. Tiếp theo là pháp từ nhân sinh ra, Bồ-tát phải biết tướng của nó. Thế nào là tướng? Tánh phân biệt thật sự không có thể, chấp cho là có thì gọi là tăng ích; thật sự có tánh chân thật mà chấp cho là không thì gọi là tổn giảm. Sự tăng ích không tổn giảm “có” gọi là nhị biên. Thông tuệ có khả năng lìa nhị biên này. Tiếp theo là chỗ chấp chỉ có thức, do trí này thì tương ứng đó có thể thông đạt. Do thông đạt này mà không có chướng ngại nào nữa. Tiếp theo là tùy thuận nhập duy thức. Sáu Ba-la-mật của thế gian nương vào tục đế, được nương vào chỗ nhiếp của chân đế thanh tịnh ý thì sáu Ba-la-mật của xuất thế gian cũng phải học. Kế tiếp trong mười địa tùy theo sự sai biệt mà phải tu tập mỗi A-tăng-kỳ kiếp không đồng với sự tu tập chứng đắc của Thanh-văn. Tại sao vậy? Thanh-văn trong ba đời, gieo xuống chủng tử đối trị Chủng, thành thực đối trị đạo. Đối trị đạo thành thực cho nên trong đời thứ ba, giải thoát tam giới, đắc quả A-la-hán. Tiếp theo trong việc tu tập sai biệt này, ba học giới, định, Tuệ phải khiến cho viên mãn. Tiếp theo ba học quả Niết-bàn thì phiền não chướng và trí chướng đều diệt; Vô thượng Bồ-

đề và ba thân, những pháp này phải nên biết. Nói thứ tự như vậy, nếu lập Đại thừa thì cũng không ra ngoài pháp này. Tại sao vậy? Nếu muốn giải thích nghĩa của duyên sinh thì nhập vào trong A-lại-da thức. Nếu muốn giải thích pháp tướng thì nhập vào ba tánh nhiếp. Nếu muốn giải thích đặc thì nhập vào trong duy thức. Nếu muốn giải thích nhân quả thì nhập vào duy thức quán xứ. Nếu muốn giải thích địa thì nhập vào nhân quả xứ. Nếu muốn giải thích ba học thì nhập vào mười địa. Nếu muốn giải thích diệt thì nhập vào ba học xứ. Nếu muốn giải thích Vô thượng Bồ-đề và ba thân thì nhập vào Vô trụ xứ Niết-bàn thâm nhiếp. Nếu nói Phật thể và nhân quả thì theo số như đây, cho nên nói thứ tự lại có giải thích khác. Mười nghĩa này có thể dẫn Vô thượng Bồ-đề, sinh khởi trí vô phân biệt. cho nên gọi là thành tựu, cùng với tứ đạo lý và tam lượng không trái nhau cho nên gọi là tùy thuận, không phải trước tùy thuận, sau trái nhau. Như Kệ nói rằng: Hay trì ái và bi, tùy thuận đối với thiện, không ngã kiến hắc bạch, có ích cũng có tổn, cho nên nói không trái nhau. Có khả năng sinh trí của Nhất thiết trí. Đối với hết thảy pháp vô gián, như lượng, như lý, mà trí sinh. Lại có giải thích khác, lấy phần sau giải thích phần trước.
